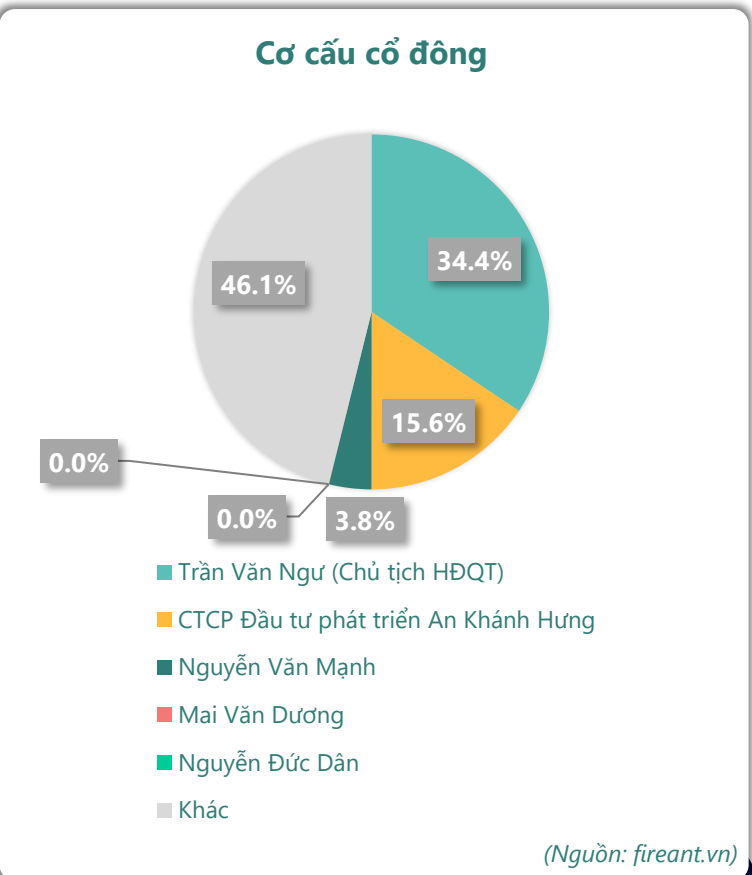
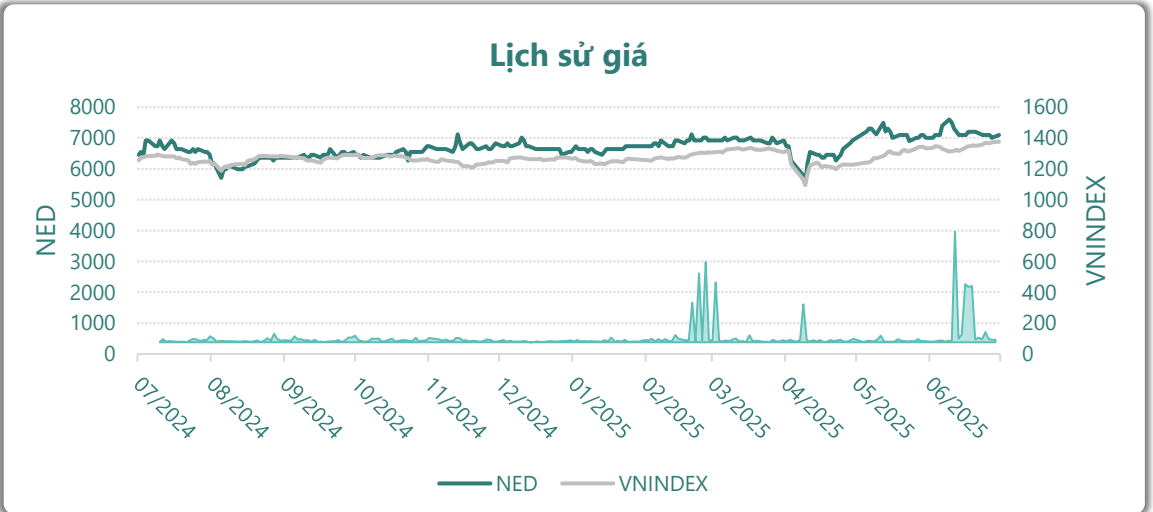
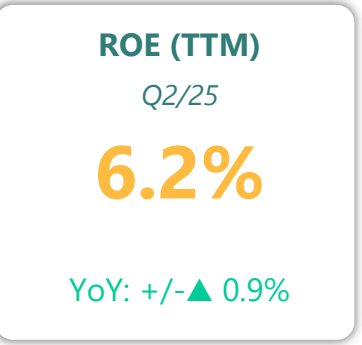
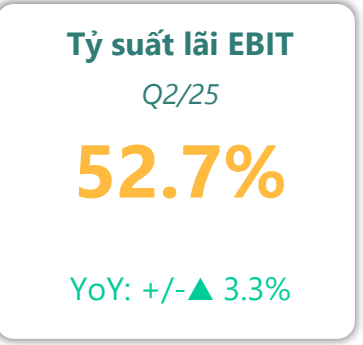
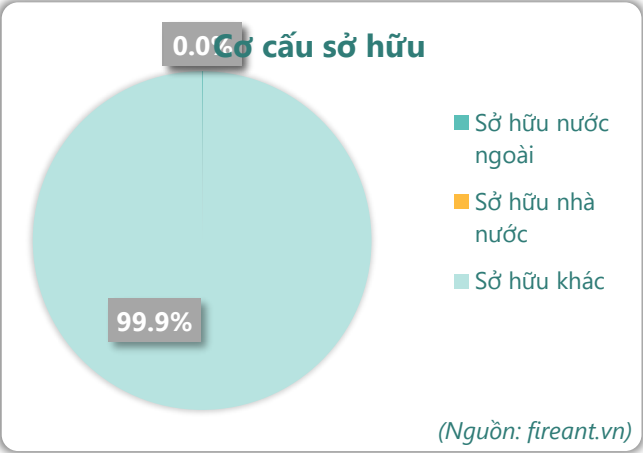


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

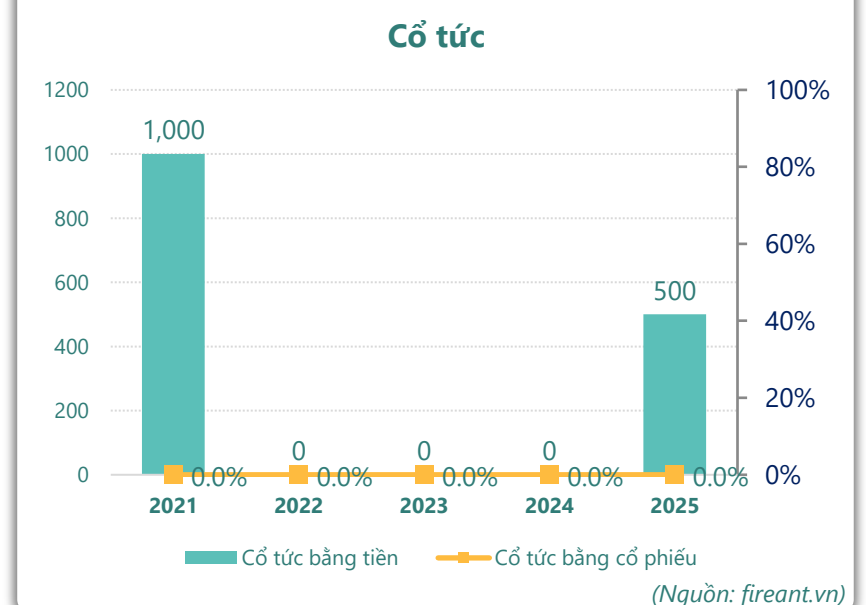
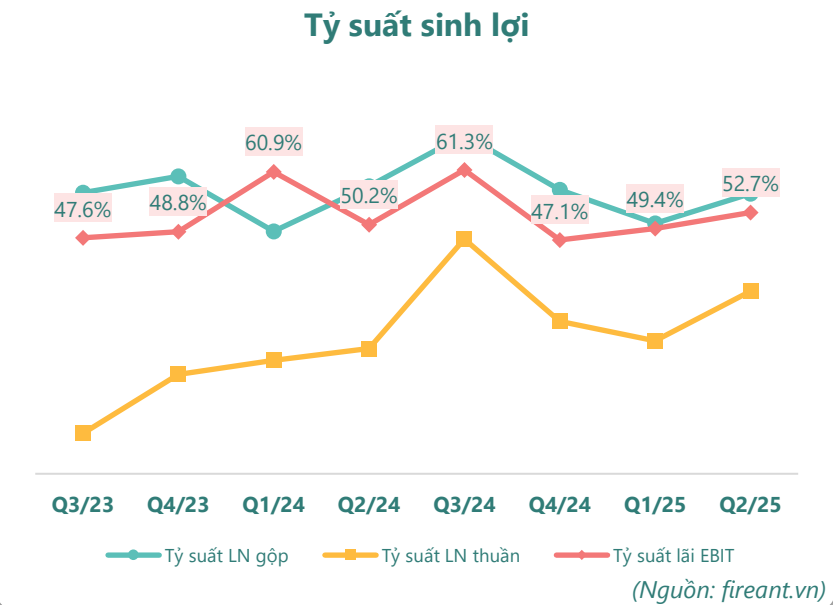
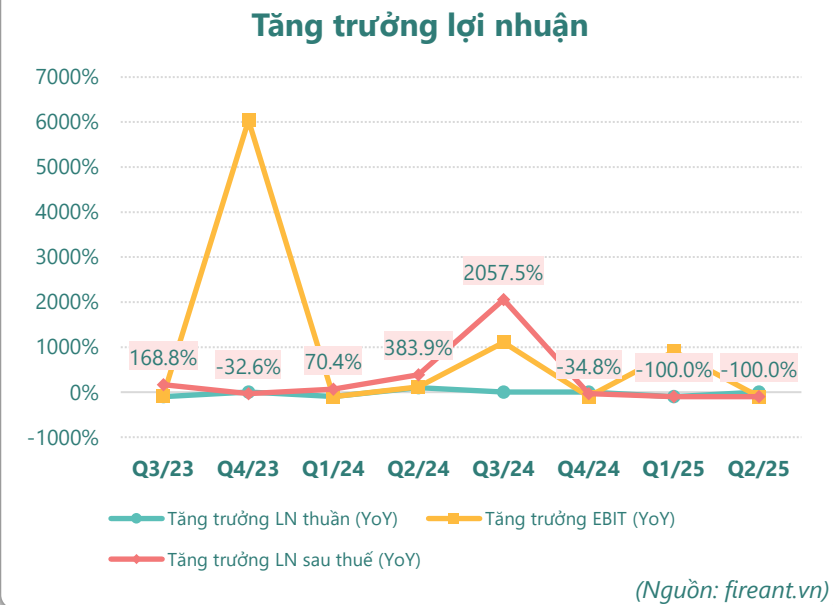
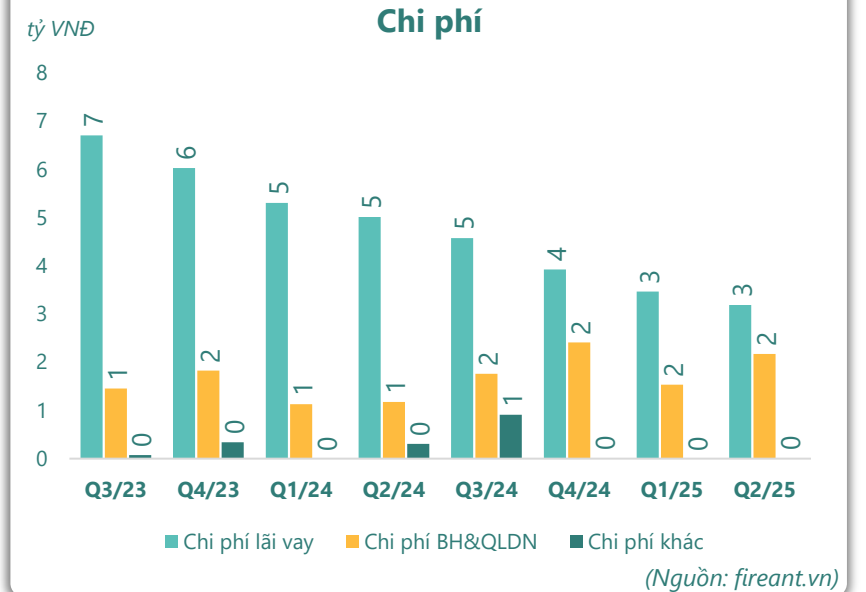
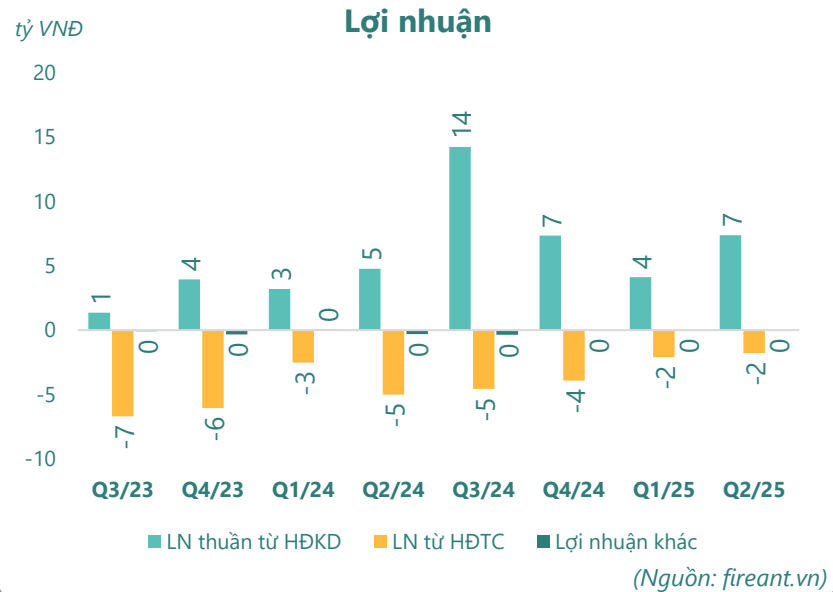
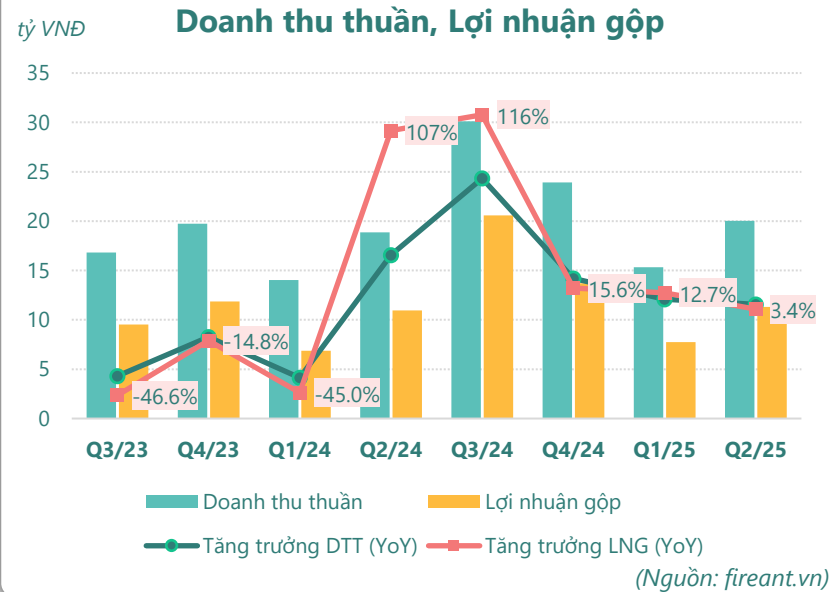
CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Ngày 30/06/2025	7,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	2.5%	6.8%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,522 - 7,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	288
Số lượng CPLH (CP)	40,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	73,555
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.98
EPS	716
P/E	9.9



KẾT QUẢ KINH DOANH

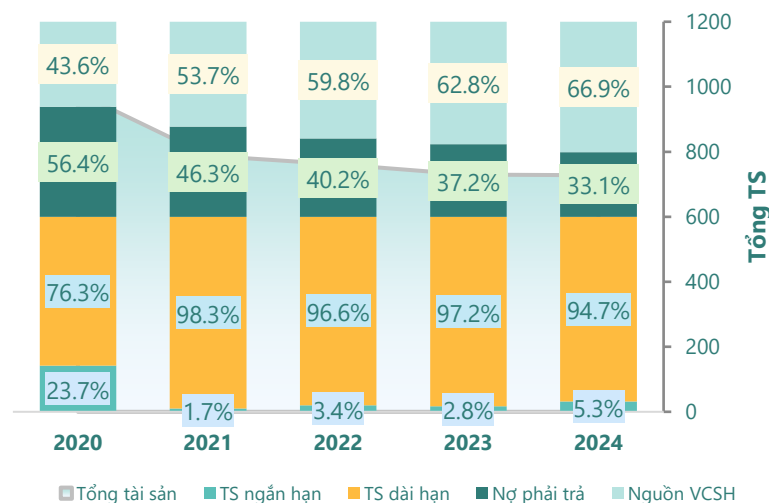




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

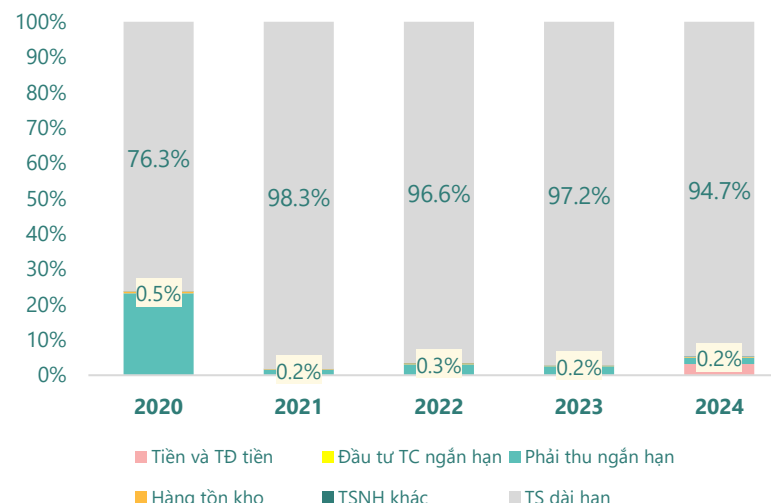
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

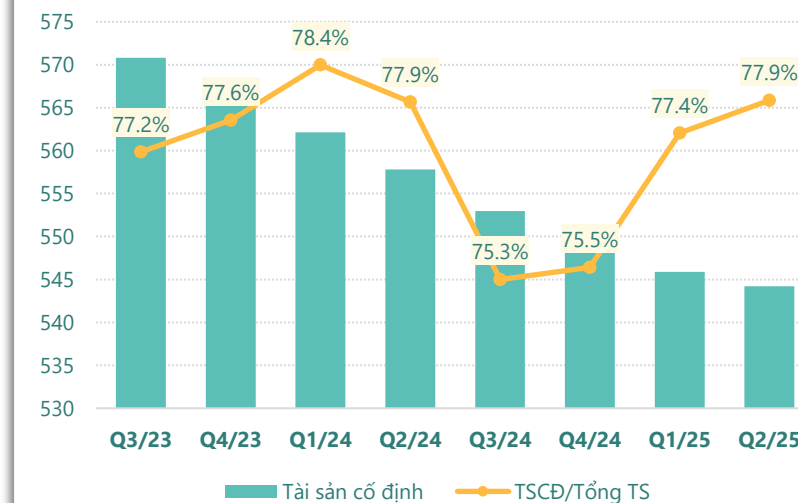
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

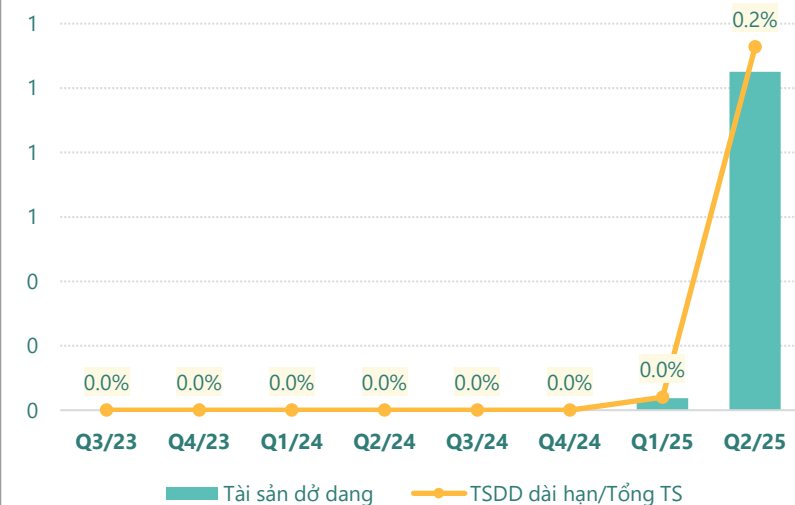
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

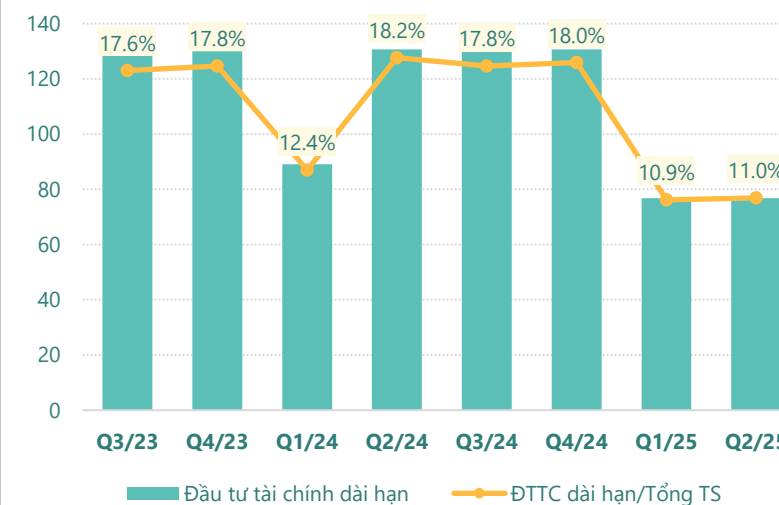
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

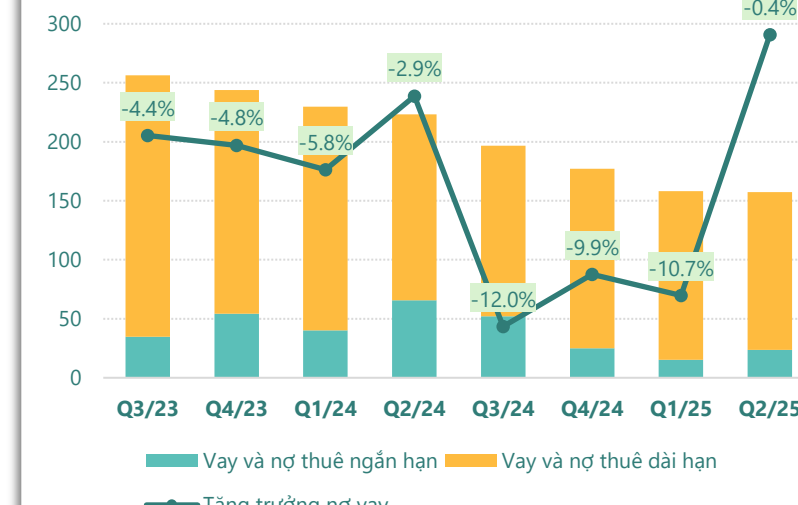
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

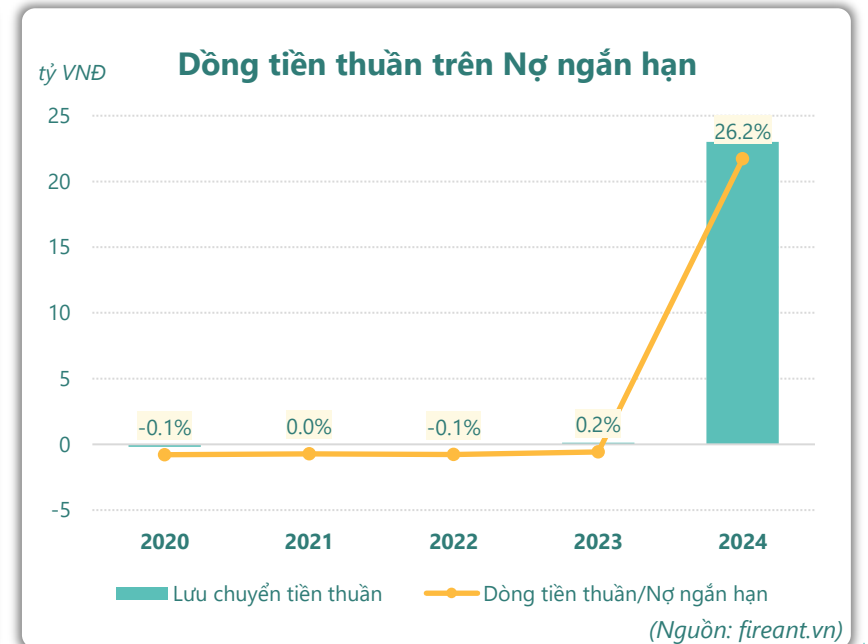
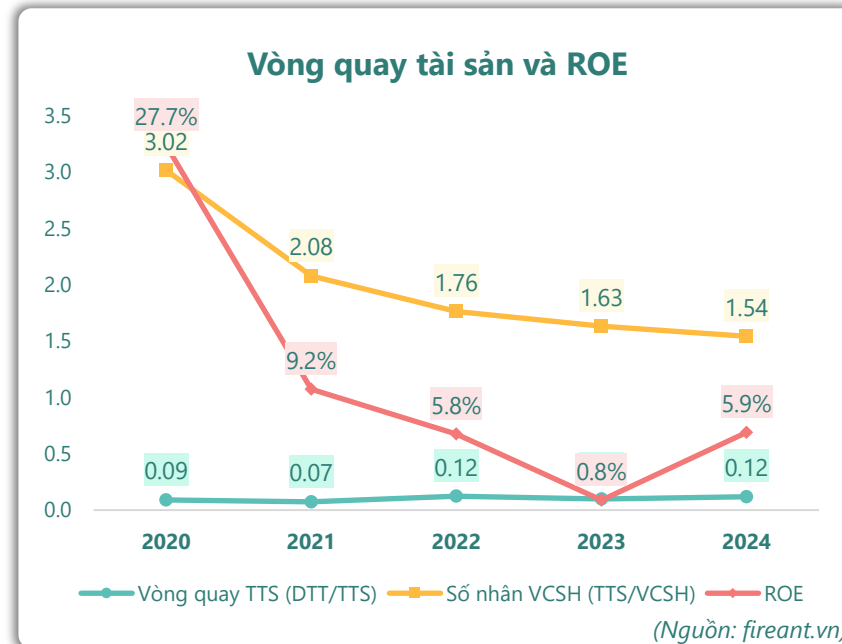
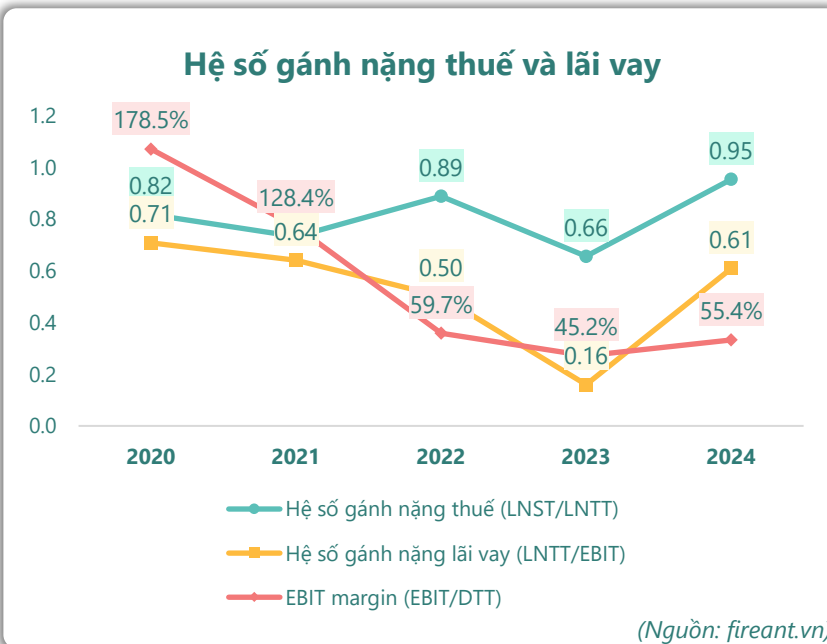
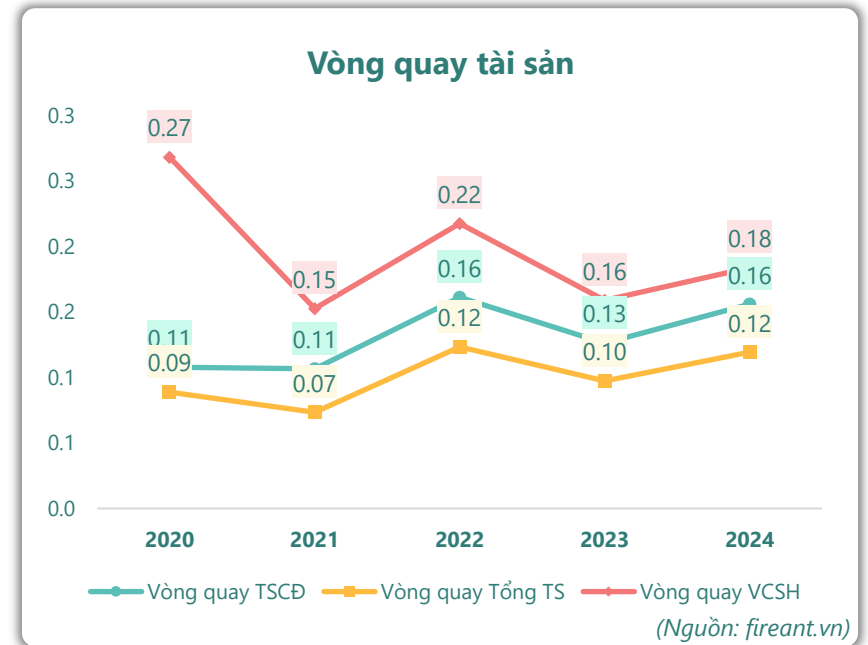
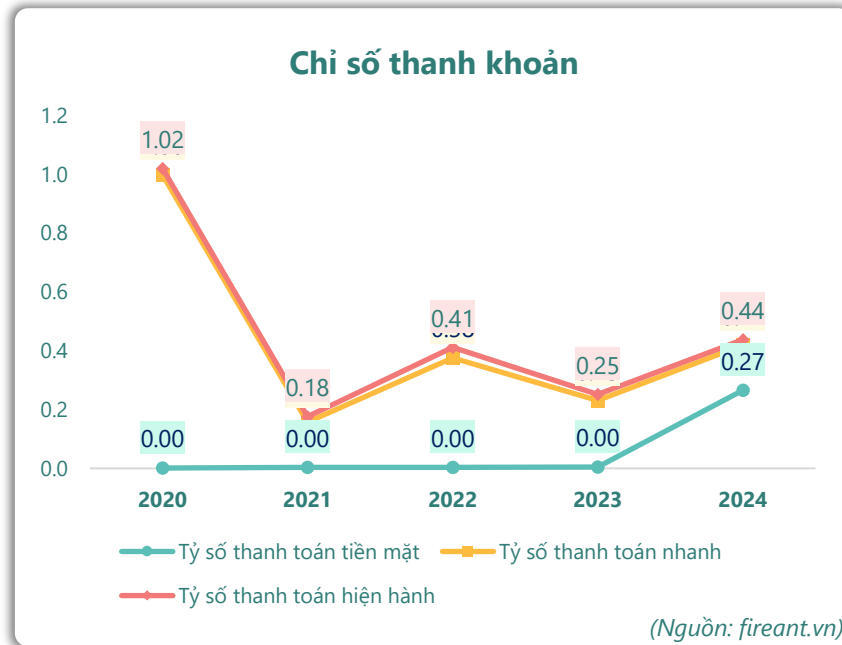
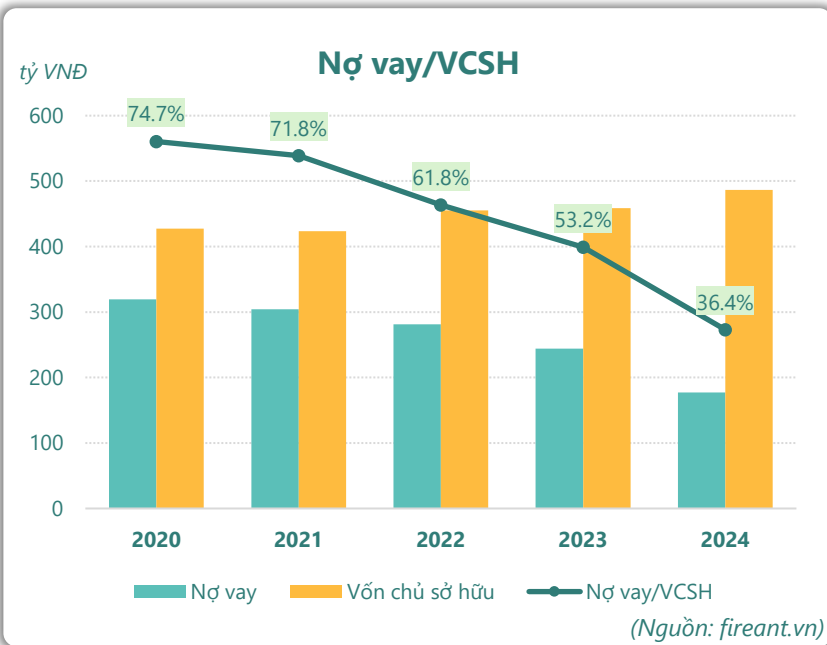
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	20.0	18.9	5.9%	35.3	32.9	7.3%
Giá vốn hàng bán	8.70	7.93	9.7%	16.3	15.1	7.8%
Lợi nhuận gộp	11.3	10.9	3.8%	19.1	17.8	7.0%
Doanh thu HĐTC	1.54	0.00		2.91	2.78	4.5%
Chi phí TC	3.31	5.01	-34.0%	6.77	10.3	-34.4%
Chi phí lãi vay	3.18	5.01	-36.4%	6.65	10.3	-35.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.02	-100%	0	0.02	-100%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.17	1.18	84.0%	3.70	2.31	60.4%
LN thuần từ HĐKD	7.37	4.77	54.6%	11.5	7.98	44.0%
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.30	96.7%	-0.01	-0.26	95.3%
LN trước thuế	7.36	4.47	64.7%	11.5	7.71	48.7%
Lợi nhuận sau thuế	7.36	3.46	113%	11.5	5.90	94.4%
LNST của CĐ cty mẹ	7.36	3.46	113%	11.5	5.90	94.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-29.2	48.9	26.9	41.0	-8.45	14.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	43.8	-41.6	0.55	-4.50	53.8	-3.79
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.1	-6.61	-26.7	-19.8	-19.1	-20.0
Tiền đầu kỳ	0.34	0.79	1.45	2.15	23.4	49.6
Lưu chuyển tiền thuần	0.45	0.65	0.71	16.7	26.3	-8.89
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.79	1.45	2.15	18.9	49.6	40.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	699	728	-4.0%
Tài sản ngắn hạn	68.1	38.5	76.7%
Tiền và tương đương tiền	40.7	23.4	74.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	22.2	12.7	74.6%
Hàng tồn kho	1.70	1.71	-0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.42	0.72	374%
Tài sản dài hạn	631	689	-8.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	544	549	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.05	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	76.7	131	-41.3%
Tài sản dài hạn khác	8.67	9.68	-10.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	222	241	-8.0%
Nợ ngắn hạn	87.2	87.9	-0.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.7	24.9	-4.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.01	7.75	-35.4%
Nợ dài hạn	135	153	-12.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	134	152	-12.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	477	486	-2.0%
Vốn chủ sở hữu	477	486	-2.0%
Vốn điều lệ	405	405	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

